



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 26/10/2022 10:51:30 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 18

Ngày 26 tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

05/10/2022	Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	3
------------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

03/10/2022	Quyết định số 1171/QĐ-UBND về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	9
03/10/2022	Quyết định số 1175/QĐ-UBND về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 ...	12
07/10/2022	Quyết định số 1189/QĐ-UBND Về việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên	26

phê duyệt...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

03/10/2022	Quyết định số 1163/QĐ-UBND về việc ban hành Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Yên	28
03/10/2022	Quyết định số 1173/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Yên	46
10/10/2022	Quyết định số 1197/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng Phú Yên	51
19/10/2022	Quyết định số 1241/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, lâm nghiệp và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 32/2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 05 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 227/TTr-SNN ngày 13 tháng 9 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy nông Đồng Cam; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Kèm theo Quyết định số: 32/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Đối với việc đấu thầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn luật.

2. Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi), hợp tác xã, tổ chức thủy lợi cơ sở có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định (sau đây gọi là nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là việc cơ quan nhà nước chỉ định nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đáp ứng theo các yêu cầu, điều kiện đặt hàng của Nhà nước.

2. Sản phẩm đặt hàng: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi. Sản phẩm quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để đặt hàng là diện tích (ha) hoặc khối lượng (m^3) được tưới nước, tiêu nước và cấp nước.

3. Giá, đơn giá, hợp đồng:

a) Giá, đơn giá đặt hàng: Là giá, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền quyết định trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và các khoản chi phí khác theo quy định được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp Bộ Tài chính

quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Hợp đồng đặt hàng: Là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên tham gia hợp đồng.

4. Bên A: Cơ quan đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

5. Bên B: Đơn vị nhận đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

6. Hộ dùng nước: Là tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi.

Điều 3. Nguyên tắc đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Đảm bảo tuân thủ các quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định khác có liên quan.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đơn vị nhận đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không được chuyển giao công việc cho đơn vị khác khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Cơ quan đặt hàng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đặt hàng đối với các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quản lý theo phân cấp: Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định.

Chương II

ĐẶT HÀNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

Điều 5. Trình tự thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Hàng năm, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt diện tích và dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trong đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về diện tích, Sở Tài chính chịu trách nhiệm về đơn giá áp dụng.

2. Xây dựng kế hoạch và quyết định đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

Trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được phê duyệt, các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch đặt hàng, gồm kế hoạch tưới, tiêu, cấp nước, kế hoạch tài chính trong điều kiện thời tiết bình thường.

Trên cơ sở kế hoạch đặt hàng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Trên cơ sở quyết định đặt hàng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng với đơn vị nhận đặt hàng để thực hiện.

b) Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo phân cấp:

Trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch đặt hàng và thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định.

3. Việc thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

Chương III

HỢP ĐỒNG VÀ NGHIỆM THU THANH TOÁN HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Điều 6. Phê duyệt điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng đặt hàng.

a) Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương;

b) Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi phí, giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

c) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Gồm: Thiên tai, lũ lụt, hạn hán bất thường vượt quá tần suất thiết kế của công trình; diện tích tưới tiêu cấp nước thay đổi.

2. Phân cấp điều chỉnh hợp đồng.

a) Đối với trường hợp điều chỉnh hợp đồng làm vượt giá trị dự toán đặt hàng đã được phê duyệt, cơ quan đặt hàng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng, làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh.

b) Đối với trường hợp điều chỉnh không làm vượt giá trị dự toán đặt hàng đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan đặt hàng phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng và tổ chức thực hiện ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh.

Điều 7. Nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng đặt hàng

1. Nghiệm thu hợp đồng đặt hàng.

Khi kết thúc năm đặt hàng, trên cơ sở hợp đồng, biên bản nghiệm thu của bên B với các hộ dùng nước, bên A tổ chức nghiệm thu đánh giá khối lượng, chất lượng các hạng mục công việc đã hoàn thành của cả năm.

2. Thanh lý hợp đồng đặt hàng.

Kết thúc năm đặt hàng, bên A và bên B phải thực hiện thanh lý và ký biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng là căn cứ để

thanh, quyết toán kinh phí cho bên B và quyết toán kinh phí với cơ quan quản lý ngân sách nhà nước.

3. Quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn.

b) Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có đầy đủ các chứng từ để làm căn cứ thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ tài chính (bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Thực hiện đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quy định này đảm bảo kịp thời cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

b) Tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quản lý, giám sát, nghiệm thu sản phẩm, khối lượng, chất lượng thực hiện đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c) Chịu trách nhiệm tổng hợp dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định tại Quy định này.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cấp tỉnh vào dự toán chi ngân sách địa phương.

b) Thực hiện cấp phát kinh phí theo quy định hiện hành.

c) Quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn; xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo thực tế.

b) Giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo quy định.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn; tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy định này đến nhân dân trên địa bàn chủ động giám sát chất

lượng tưới, tiêu, cấp nước và tổng hợp phản ánh với cơ quan đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời cùng tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Trách nhiệm của đơn vị nhận đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký kết với cơ quan đặt hàng và các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

b) Tổ chức thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo quy định.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm pháp lý của các hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với các hộ dùng nước theo quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan khác.

Phối hợp với cơ quan đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1171/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh
Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa,
nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/9/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2555/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; số 162/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn 2035; số 872/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Kè chống xói lở bờ sông Ba đoạn qua thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 28/7/2022) về việc điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, với các nội dung chính sau:

1. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh cục bộ chức năng sử dụng đất ô đất có ký hiệu CXCQ-02, cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Theo Đồ án quy hoạch được phê duyệt tại các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2555/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 và số 162/QĐ-UBND ngày 28/01/2021		Nội dung điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích điều chỉnh cục bộ	134,90		134,90	
1	Đất ở	95,89	71,08	86,99	64,48
2	Đất dự trữ phát triển	23,66	17,54	14,24	10,56
3	Đất giao thông + kè	15,35	11,38	17,58	13,03
4	Đất nông nghiệp	0	0	15,35	11,38
5	Đất cây xanh	0	0	0,74	0,55

(Đính kèm sơ đồ khu vực điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035)

2. Lý do điều chỉnh: Đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực tiếp giáp, ảnh hưởng bởi tuyến Kè chống xói lở bờ sông Ba đoạn qua thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hoà (được HĐND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 232/NQ-HĐND ngày 27/3/2020 và điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 311/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, được Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại Quyết định số 495/QĐ-BQL ngày 29/9/2021).

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, nghiên cứu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt (tại các Quyết định: Số 2555/QĐ-UBND ngày 27/12/2017, số 162/QĐ-UBND ngày 28/01/2021).

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về nội dung thẩm định, trình phê duyệt. Giao UBND huyện Tây Hòa có trách nhiệm cập nhật nội dung điều chỉnh quy hoạch này vào kỳ rà soát, điều

chỉnh quy hoạch tiếp theo; đồng thời, triển khai thực hiện đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng tại khu vực điều chỉnh và vùng phụ cận, phù hợp với quy hoạch được duyệt, đảm bảo yêu cầu sử dụng, phát triển đô thị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh ; Giám đốc các sở : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường , Nông nghiệp và PTNT ; Chủ tịch UBND huyện Tây Hòa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1175/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại
Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của UBND
tỉnh về Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ tháng 7 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên
(tại Tờ trình số 727/TTr-PHY5 ngày 24 tháng 8 năm 2022).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giao Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

Thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (*viết tắt là TTKDTM*) tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- Tạo sự chuyển biến về TTKDTM trong nền kinh tế với mức tăng trưởng cao, thay đổi thói quen thanh toán của xã hội sang sử dụng các phương tiện TTKDTM, giảm chi phí xã hội liên quan đến tiền mặt.

- Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật và thông suốt hoạt động TTKDTM; nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động thanh toán, minh bạch hóa các giao dịch thanh toán trong nền kinh tế, góp phần vào công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm kinh tế; phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*viết tắt là CMCN 4.0*) để nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán, dịch vụ TTKDTM, đáp ứng nhu cầu thanh toán một cách thuận tiện, hiệu quả của tổ chức, cá nhân.

2. Mục tiêu cụ thể đến cuối năm 2025

a) Từ 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

b) Mục tiêu tăng trưởng sử dụng phương tiện, dịch vụ TTKDTM:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân về số lượng và giá trị giao dịch TTKDTM đạt 20-25%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân về số lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện thoại đạt 50-80%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân số lượng và giá trị giao dịch qua kênh internet đạt 35-40%.

- Tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện TTKDTM qua các kênh điện tử đạt tối thiểu 40%.

c) Mục tiêu TTKDTM đối với dịch vụ công:

+ 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức TTKDTM; từ 90-100% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn đô thị triển khai thanh toán học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

+ Từ 60-70% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức TTKDTM;

+ Từ 75-80% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn đô thị được chi trả thông qua các phương thức TTKDTM.

II. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Triển khai các cơ chế, chính sách

a) Tăng cường sự phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố trong việc triển khai kịp thời các giải pháp về TTKDTM trên địa bàn tỉnh theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương như các cơ chế, chính sách khuyến khích thanh toán điện tử trong việc thu, nộp thuế; giao dịch thương mại điện tử; thu phí, lệ phí, thủ tục hành chính; thanh toán cước, phí cho các dịch vụ thường xuyên, định kỳ như: Điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp; thanh toán tại các cơ sở khám, chữa bệnh; chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp; thanh toán học phí trực tuyến; triển khai ứng dụng công nghệ thanh toán điện tử mới; khuyến khích các cơ sở bán lẻ hàng hóa, dịch vụ chấp nhận và sử dụng các phương tiện thanh toán điện tử và hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch thanh toán điện tử trong quá trình mua bán hàng hóa, dịch vụ không phân biệt giữa thanh toán bằng tiền mặt với các phương tiện thanh toán điện tử.

b) Công khai và áp dụng các cơ chế, chính sách về phí dịch vụ thanh toán để khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện TTKDTM; quy định mức phí thanh toán chuyển khoản và mức phí nộp, rút tiền mặt tại các tổ chức tín dụng.

c) Triển khai các chính sách về đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật; phòng, chống rửa tiền, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thanh toán điện tử, đặc biệt là tội phạm và gian lận trong thanh toán thẻ, thanh toán qua Máy rút tiền tự động (ATM), Máy chấp nhận thanh toán thẻ (POS), thanh toán qua internet, điện thoại di động, thanh toán không tiếp xúc và các phương thức thanh toán sử dụng công nghệ cao; tăng cường cập nhật và áp dụng các biện pháp tiên tiến bảo đảm an ninh, an toàn cho các hệ thống thanh toán điện tử quan trọng, các dịch vụ thanh toán dựa trên công nghệ cao.

d) Tiếp tục rà soát, xem xét, đề xuất các chính sách phù hợp về TTKDTM, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng tiếp cận dịch vụ TTKDTM với sản phẩm, dịch vụ phù hợp; xây dựng, triển khai các giải pháp để tiếp tục khuyến khích

TTKDTM trong chỉ tiêu của người dân trong xã hội thông qua Ví điện tử viễn thông (Mobile Money).

2. Triển khai ứng dụng hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và có khả năng kết nối, tích hợp với các hệ thống khác

a) Triển khai thực hiện tốt hệ thống thanh toán điện tử ngân hàng quốc gia, đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp và thực hiện thanh, quyết toán cho các hệ thống khác, nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Thực hiện và ứng dụng hạ tầng chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử, góp phần thúc đẩy phát triển thanh toán bán lẻ, mở rộng hệ sinh thái, đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp với các ngành, lĩnh vực khác để phục vụ thanh toán trực tuyến.

c) Ứng dụng hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng và các hệ thống thanh toán khác, đảm bảo kết nối, tích hợp với các hệ thống thanh toán quan trọng, hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức cung ứng dịch vụ công và các hệ thống khác để cung ứng dịch vụ thanh toán một cách thuận tiện, hiệu quả cho tổ chức, cá nhân.

3. Ứng dụng các dịch vụ thanh toán hiện đại, ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0

a) Ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0 để phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán trên nền tảng số hóa, đảm bảo an toàn, bảo mật, mang lại sự thuận tiện cho người sử dụng:

- Đẩy mạnh triển khai các dịch vụ thanh toán mới, hiện đại dựa trên ứng dụng những công nghệ cốt lõi như: Nền tảng giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API), trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn (AI, Big Data, Data Analytics), điện toán đám mây (Cloud Computing), nhận dạng sinh trắc học (Biometrics) và các công nghệ hiện đại tiên tiến khác.

- Tiếp tục đầu tư phát triển (cả về số lượng và chất lượng) kết hợp với sắp xếp hợp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả mạng lưới ATM, POS trên địa bàn tỉnh; phát triển mạng lưới POS dùng chung, thanh toán POS trên thiết bị di động (mPOS); tăng cường chấp nhận thanh toán thẻ trong các giao dịch thanh toán trực tuyến; mở rộng ra các cơ sở y tế, giáo dục...

- Đẩy mạnh ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán trên thiết bị di động, như: Thanh toán qua QR Code, mã hóa thông tin thẻ (Tokenization), thanh toán di động (Mobile Payment), thanh toán phi tiếp xúc (Contactless), Ví điện tử.

- Khuyến khích hợp tác kết nối giữa ngân hàng với các công ty công nghệ tài chính (công ty Fintech) để đổi mới, sáng tạo, phát triển các giải pháp, mô hình thanh toán mới.

- Tiếp tục phát triển dịch vụ thẻ ngân hàng, cung ứng các dịch vụ gia tăng khác; tập trung triển khai hoàn thành chuyển đổi thẻ ngân hàng từ thẻ từ sang thẻ chip, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán thẻ, gia tăng dịch vụ, tạo thuận lợi kết nối với các hệ thống thanh toán khác.

b) Phát triển thanh toán điện tử trong thương mại điện tử:

- Tăng cường kết nối, tích hợp giữa hạ tầng thanh toán điện tử với hạ tầng của các đơn vị chấp nhận thanh toán, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng về thanh toán điện tử trong thương mại điện tử, tại các điểm bán lẻ và thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ trực tuyến.

- Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật trong giao dịch TTKDTM, làm tốt công tác chăm sóc khách hàng; giám sát, nắm bắt và kịp thời giải quyết thỏa đáng các phản ánh, khiếu nại tranh chấp về thanh toán điện tử trong thương mại điện tử, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, bảo vệ lợi ích của các bên tham gia giao dịch.

- Khuyến khích người dân, doanh nghiệp, tổ chức liên quan sử dụng dịch vụ TTKDTM trong hoạt động thương mại điện tử; chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên thiết bị di động (như QR Code, mã hóa thông tin thẻ, thanh toán di động, thanh toán phi tiếp xúc, Ví điện tử) để thúc đẩy thương mại điện tử phát triển.

c) Phát triển TTKDTM ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa:

- Triển khai các ứng dụng, các phương tiện và mô hình thanh toán/chuyển tiền hiện đại, dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở nông thôn vùng sâu, vùng xa (thanh toán qua điện thoại di động, thiết bị kỹ thuật số...) nhằm thúc đẩy TTKDTM ở những khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và cả đối với những đối tượng chưa có tài khoản ngân hàng, trên cơ sở sử dụng mạng lưới sẵn có của các tổ chức tín dụng, mạng lưới bưu điện, mạng lưới của các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- Tận dụng hạ tầng, dữ liệu, mạng lưới viễn thông, giảm các chi phí xã hội để phát triển, mở rộng kênh TTKDTM trên thiết bị di động ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới gắn với việc triển khai dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money).

4. Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong khu vực Nhà nước, dịch vụ hành chính công

a) Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin dữ liệu giữa các cơ quan: Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan tỉnh với hệ thống ngân hàng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phối hợp thu ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử; nhất là thu, nộp thuế điện tử để hỗ trợ công tác quản lý, thu thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và người dân thực hiện đa dạng, linh hoạt các dịch vụ thanh toán điện tử trong việc thu, nộp thuế điện tử.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; tăng cường kết nối giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán với Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống một cửa điện tử của các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện thanh toán điện tử đối với các khoản phí, lệ phí, thanh toán hóa đơn điện, nước, học phí, viện phí.

c) Các đơn vị cung ứng dịch vụ công (bao gồm các cơ sở y tế, giáo dục) xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu để kết nối, chia sẻ thông tin với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán để phục vụ

TTKDTM; đẩy mạnh triển khai kết nối và cung cấp dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; khuyến khích các trường học, bệnh viện, công ty điện, nước, vệ sinh môi trường, viễn thông, bưu chính trên địa bàn phối hợp với ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán để thu học phí, viện phí, tiền điện... bằng phương thức TTKDTM.

d) Thúc đẩy thanh toán điện tử trong các chương trình trợ cấp an sinh xã hội, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh, an toàn và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động thanh toán

a) Tăng cường cơ chế hợp tác, phối hợp, trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên với Công an tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan để kịp thời phát hiện, phòng ngừa, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh toán; chia sẻ thông tin về tình hình, phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm trong hoạt động thanh toán để kịp thời cảnh báo, khuyến nghị với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, người sử dụng dịch vụ nhằm ngăn chặn, phòng ngừa nguy cơ lợi dụng hoạt động thanh toán cho các hoạt động bất hợp pháp.

b) Tiếp tục cập nhật, triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế, giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật; ngăn ngừa rủi ro phát sinh, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

c) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố trong hoạt động TTKDTM, thanh toán điện tử, trung gian thanh toán, đảm bảo hoạt động thanh toán an toàn, hiệu quả.

6. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn và bảo vệ người tiêu dùng trong TTKDTM

a) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn về TTKDTM, thanh toán điện tử:

- Chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với nhiều hình thức đa dạng, phong phú thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, các cơ quan Báo chí, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố...) với nội dung dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện và có tính lan tỏa trong cộng đồng, hướng tới nhóm đối tượng mục tiêu như người dân vùng sâu, vùng xa, nông thôn, người yếu thế trong xã hội, người chưa có tài khoản ngân hàng, học sinh, sinh viên, trẻ em, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, người tiêu dùng ít có cơ hội tiếp xúc công nghệ,... qua đó giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng sản phẩm, dịch vụ TTKDTM.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ nhân viên của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán để có kỹ năng, kiến thức hướng dẫn khách hàng hiểu và sử dụng các dịch vụ, phương tiện TTKDTM.

- Triển khai công tác phối hợp giữa các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức liên quan khác trong việc triển khai các chương trình truyền thông nhằm thúc đẩy TTKDTM trong khu vực dân cư, dịch vụ hành chính công.

b) Bảo vệ người tiêu dùng trong TTKDTM:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất các giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật về dân sự, hành chính, hình sự và cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh nhằm bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đặc biệt bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng tài chính, bảo đảm tính nghiêm minh, răn đe, cảnh báo từ xa và phòng ngừa các rủi ro, tranh chấp phát sinh từ hoạt động TTKDTM.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng địa phương, để tăng cường tuyên truyền, giáo dục về các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong TTKDTM, thanh toán điện tử đối với người sử dụng dịch vụ; phối hợp giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng; xây dựng cảm nang về TTKDTM cho khách hàng.

7. Tăng cường cơ chế phối hợp thúc đẩy TTKDTM

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành và đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Phú Yên để đẩy mạnh TTKDTM, nhất là trong việc thu, nộp ngân sách nhà nước, chấp thuận, kiểm tra, giám sát dịch vụ Mobile Money, đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán điện tử, trung gian thanh toán, quản lý, giám sát hoạt động thanh toán xuyên biên giới.

- Tăng cường phối hợp giữa các Ngân hàng thương mại và các đơn vị viễn thông (Vinaphone, Mobifone, Viettel, FPT...) để triển khai hiệu quả Ví điện tử viễn thông (Mobile Money).

- Kết nối, tích hợp giữa các đơn vị trung gian thanh toán với các đơn vị chấp nhận thanh toán để cài đặt các thiết bị hỗ trợ việc TTKDTM như máy POS, QR Code.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thanh toán trên địa bàn.

- Tích cực, chủ động và mở rộng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thanh toán theo lộ trình và hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện được sử dụng từ các nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hằng năm của các đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí tài trợ; nguồn đầu tư của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, các tổ chức trung gian thanh toán trên địa bàn tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên: Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, theo dõi thực hiện các giải pháp trong Kế hoạch; hằng năm tổng hợp tình hình triển khai và đề xuất các giải pháp cần thiết báo cáo UBND tỉnh; tham mưu UBND tỉnh tổ chức tổng kết vào cuối năm 2025.

2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai kịp thời và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Phụ lục kèm theo của Kế hoạch này; lồng ghép các nội dung về phát triển TTKDTM vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của sở, ngành, địa phương mình.

- Quán triệt nội dung kế hoạch đến các đơn vị trực thuộc, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nghiệp, người dân trên địa bàn.

- Có chủ trương khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh bán lẻ, người dân phối hợp với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn đẩy mạnh TTKDTM trong các hoạt động như: Thanh toán, chi tiêu công, thu phí dịch vụ công, chi trả trợ cấp xã hội, lương hưu, mở rộng việc trả lương, thu nhập qua tài khoản; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tăng cường sử dụng các hình thức TTKDTM.

- Phối hợp các Ngân hàng thương mại trên địa bàn mở rộng lắp đặt, ứng dụng thiết bị thanh toán điện tử tại các cơ quan, đơn vị để thu phí dịch vụ công.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường kết nối giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán với Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống một cửa điện tử của các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị.

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ, **trước ngày 25 tháng 11 hằng năm** gửi báo cáo kết quả thực hiện về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Phú Yên để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên để xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét theo quy định./.

PHỤ LỤC

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1813/QĐ-TTG
NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ PHÊ DUYỆT ĐỀ
ÁN PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI VIỆT NAM GIAI
ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022
của UBND tỉnh Phú Yên)*

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện
1	- Triển khai hiệu quả các chủ trương, định hướng, chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (viết tắt là NHNN) Việt Nam và UBND tỉnh liên quan đến TTKDTM trên địa bàn tỉnh Phú Yên. - Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các nội dung liên quan đến TTKDTM trên địa bàn. - Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động TTKDTM. - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các hoạt động thanh toán của các Ngân hàng thương mại (viết tắt là NHTM) trên địa bàn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền (nếu có). - Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các chi nhánh NHTM trên địa bàn: + Nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động thanh toán nói chung, TTKDTM nói riêng; tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán. + Vận động, khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá... đối với khách hàng khi sử dụng các phương thức TTKDTM để thanh toán hàng hóa, dịch vụ. - Kịp thời giải quyết phản ánh khiếu nại, tố cáo về thanh toán điện tử trong thương mại điện tử.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên (NHNN tỉnh)	Các NHTM trên địa bàn và các đơn vị có liên quan	2021-2025

2	Triển khai nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, kết nối chia sẻ với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để phục vụ TTKDTM; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh triển khai kết nối và cung cấp dịch vụ công trên cổng dịch vụ công của tỉnh và Quốc gia; tích cực phối hợp với các NHTM trên địa bàn thực hiện TTKDTM; tăng cường lắp đặt các thiết bị chấp nhận TTKDTM (như POS, QR Code...).	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị liên quan	2021 -2025
3	- Phối hợp với đơn vị liên quan khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các hình thức động viên, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng hình thức TTKDTM. - Phối hợp với đơn vị có liên quan vận động các đơn vị bán lẻ hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng quản lý chấp nhận, sử dụng phương tiện thanh toán điện tử. - Triển khai các chính sách thúc đẩy, phát triển, khuyến khích sử dụng dịch vụ TTKDTM trong hoạt động thương mại điện tử.	Sở Công Thương	NHNN tỉnh; các NHTM và các đơn vị có liên quan	2021-2025
4	- Triển khai, hoàn thiện, kết nối hệ thống thanh toán Kho bạc Nhà nước với hạ tầng thanh toán điện tử các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống chuyển mạch tài chính về bù trừ điện tử theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. - Kho bạc Nhà nước tỉnh phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành khác tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng thanh toán điện tử phục vụ chi tiêu công và các khoản chi ngân sách. Tiếp tục mở rộng việc chi trả lương cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách. - Khuyến khích các cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính được cấp phát kinh phí... thực hiện các hình thức TTKDTM - Phối hợp với các NHTM trên địa bàn để trao đổi thông tin, lắp đặt các thiết bị chấp nhận thẻ phù hợp tình hình thực tế để phục vụ công tác quản lý thu, chi ngân sách.	Kho bạc Nhà nước tỉnh	UBND huyện, thị xã, thành phố; Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và các NHTM	2021-2025
5	- Thực hiện nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, tăng cường kết nối, trao đổi thông tin dữ liệu với Kho bạc Nhà nước tỉnh, các	Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan tỉnh	Các NHTM và đơn vị có liên quan	2021-2025

	NHTM trên địa bàn để áp dụng việc nộp thuế điện tử và hỗ trợ công tác quản lý thu thuế. - Triển khai phương thức nộp thuế điện tử đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và người dân thực hiện đa dạng, linh hoạt các dịch vụ TTKDTM trong nộp thuế điện tử.			
6	- Thực hiện thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế thông qua các phương tiện thanh toán điện tử; đẩy mạnh kết nối với Kho bạc Nhà nước, các NHTM thực hiện thu/chi trả bảo hiểm xã hội; chi trả trợ cấp xã hội, lương hưu vào tài khoản cho các đối tượng thụ hưởng. - Thúc đẩy thanh toán điện tử trong các chương trình trợ cấp an sinh xã hội, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Các đơn vị có liên quan	2021-2025
7	Chỉ đạo các cơ sở y tế, bệnh viện phối hợp với các NHTM trên địa bàn thực hiện chi tiêu công, thu viện phí,... bằng phương thức TTKDTM	Sở Y tế	Các đơn vị có liên quan	2021-2025
8	- Chỉ đạo các trường mầm non, phổ thông tích cực phối hợp với các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán trên địa bàn triển khai thu học phí bằng phương thức TTKDTM. - Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động phụ huynh, học sinh tham gia TTKDTM.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có liên quan	2021-2025
9	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh chỉ đạo các đơn vị, tổ chức liên quan đẩy mạnh kết nối với Kho bạc Nhà nước tỉnh, các NHTM trên địa bàn để thúc đẩy thanh toán điện tử trong các chương trình trợ cấp an sinh xã hội, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp; thực hiện thu/chi trả bảo hiểm xã hội, chi trả trợ cấp xã hội, lương hưu cho các đối tượng thụ hưởng bằng hình thức TTKDTM phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người thụ hưởng. - Chỉ đạo các cơ sở dạy nghề phối hợp với các NHTM triển khai thanh toán học phí qua Ngân hàng; đẩy mạnh thực hiện việc thanh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội tỉnh	Kho bạc Nhà nước tỉnh, các NHTM, và các đơn vị có liên quan	2021-2025

	toán các khoản chi tiêu công bằng phương thức thanh toán qua Ngân hàng.			
10	Chỉ đạo các đơn vị thuộc đối tượng quản lý phối hợp với các NHTM trên địa bàn phát triển các loại thẻ phi vật lý, thẻ không tiếp xúc để thu phí cầu đường, mua xăng dầu, mua vé xe buýt, đi taxi...	Sở Giao thông vận tải	Các đơn vị có liên quan	2021-2025
11	- Phối hợp với NHNN tỉnh và các NHTM trên địa bàn trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn, phát hiện phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thanh toán điện tử. - Phối hợp NHNN tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền biện pháp nhận biết rủi ro, cách phòng tránh và xử lý khi bị lợi dụng trong hoạt động TTKDTM đến người dân trên các phương tiện thông tin đại chúng. - Phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh thu các khoản nộp phạt theo biên bản phạt vi phạm qua các NHTM. - Hướng dẫn về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định kết nối chia sẻ khai thác Cơ sở dữ liệu Quốc gia theo quy định của Bộ Công an.	Công an tỉnh	NHNN tỉnh, các NHTM, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông.	2021-2025
12	- Thông tin, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí tại địa phương phối hợp với NHNN tỉnh, các NHTM và các tổ chức trung gian thanh toán... thực hiện các chuyên mục, chuyên trang, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Trung ương và địa phương về TTKDTM trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức tuyên truyền, vận động, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thay đổi dần thói quen sử dụng tiền mặt, tăng cường sử dụng các phương tiện TTKDTM. - Phối hợp NHNN tỉnh và Công an tỉnh cập nhật biện pháp nhận biết rủi ro, cách phòng tránh và xử lý khi bị lợi dụng trong hoạt động TTKDTM để phổ biến đến người tiêu dùng trên các phương tiện thông tin đại chúng. - Phối hợp với các đơn vị liên quan gắn phát triển TTKDTM trên địa bàn với	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; các NHTM và các sở, ban, ngành có liên quan.	2021-2025

	Chương trình xây dựng Chính quyền điện tử; Chuyển đổi số và đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thu ngân sách, thu phí dịch vụ công và chỉ tiêu công của các cơ quan nhà nước.			
13	Đẩy mạnh thanh toán điện tử và dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; Tăng cường kết nối giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán với Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống một cửa điện tử của các sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị.	Văn phòng UBND tỉnh	Các đơn vị có liên quan	2021-2025
14	- Tiếp tục phối hợp tốt với các NHTM, các tổ chức trung gian thanh toán và các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh triển khai các sản phẩm, dịch vụ TTKDTM đối với thanh toán hóa đơn tiền điện, tiền nước, các dịch vụ viễn thông; sử dụng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hoá, dịch vụ giá trị nhỏ (Mobile Money). - Hỗ trợ khách hàng thực hiện các dịch vụ thanh toán điện tử khi có giao dịch.	Công ty Điện lực; Công ty Cổ phần Cấp nước; các nhà mạng (Viettel, Vinaphone, Mobifone, FPT...) trên địa bàn tỉnh Phú Yên	NHNN tỉnh, các NHTM và các đơn vị có liên quan	2021-2025
15	- Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật đối với hoạt động thanh toán nói chung, TTKDTM nói riêng; tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán. - Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại, hoạt động an toàn, có khả năng kết nối, tích hợp với các hệ thống khác; ứng dụng các dịch vụ thanh toán hiện đại và thành tựu của CMCN 4.0; phát triển bố trí hợp lý mạng lưới ATM, POS (nhất là khu vực nông thôn) đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. - Tiếp tục phối hợp với các đơn vị cung ứng dịch công trên địa bàn để triển khai hiệu quả thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công. Triển khai lắp đặt thiết bị POS, mPOS, ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán điện tử mới tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp công để thực hiện việc thu phí, lệ phí các thủ tục hành chính, dịch vụ công, y tế, giáo dục, giao thông và các dịch vụ công khác. - Tiếp tục phát triển dịch vụ thẻ ngân hàng,	Các NHTM	Các đơn vị có liên quan	2021-2025

cung ứng dịch vụ gia tăng khác, triển khai hoàn thành chuyển đổi thẻ từ sang thẻ chip, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thẻ. - Quan tâm triển khai và tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ, nhân viên để có kiến thức, kỹ năng hướng dẫn khách hàng nắm bắt và sử dụng hiệu quả các dịch vụ, phương tiện TTKDTM. - Triển khai các chính sách phí phù hợp và các chương trình, hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá... để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, cửa hàng, đại lý, hộ kinh doanh... chấp nhận TTKDTM, tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng có thể sử dụng dịch vụ mọi lúc, mọi nơi. - Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng việc chi trả lương qua tài khoản, đặc biệt là cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước. - Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành tăng cường công tác truyền thông TTKDTM liên quan các sản phẩm dịch vụ. - Hỗ trợ khách hàng thực hiện các dịch vụ thanh toán điện tử khi có giao dịch.			
---	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1189/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 465/TTr-SNV ngày 05/10/2022 và đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1066/STTTT-VP ngày 16/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh, như sau:

1. Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:

- Điều chỉnh 03 vị trí việc làm: “Quản trị viên hệ thống” (mã VTVL II.2), “Phát triển phần mềm” (mã VTVL II.3), “Kiểm định viên công nghệ thông tin” (mã VTVL II.4) thành vị trí việc làm “Công nghệ thông tin”, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu: “Hạng III” (mã VTVL II.2).

- Điều chỉnh vị trí việc làm “Biên tập viên” từ mã VTVL II.5 thành mã VTVL II.3.

- Bãi bỏ vị trí việc làm “Đạo diễn” (mã VTVL II.6).

2. Điều chỉnh nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ (mã VTVL III tại Quyết định số 07/QĐ-UBND) thành 02 nhóm vị trí việc làm, cụ thể:

2.1. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, gồm:

- Vị trí việc làm “*Kế toán*”, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu: “Hạng III” (mã VTVL III.1);

- Vị trí việc làm “*Văn thư, lưu trữ kiêm thủ quỹ*”, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu: “Hạng IV” (mã VTVL III.2);

- Bổ sung vị trí việc làm “*Hành chính, tổng hợp*”, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu: “Hạng III” (mã VTVL III.3).

2.2. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ:

Gồm vị trí việc làm: “*Bảo vệ*” (mã VTVL IV.1), “*Tạp vụ*” (mã VTVL IV.2), bổ sung vị trí việc làm “*Kỹ thuật*” (mã VTVL IV.3), hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu các vị trí việc làm: “*Nhân viên*”.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 02/01/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1163/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục
đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trực tuyến
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Công văn số 1868/QĐ-HTQTCT ngày 08/6/2022 của Bộ Tư pháp về
việc hướng dẫn tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký
khai tử, đăng ký kết hôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 42/TTr-STP ngày
05 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình tiếp nhận, giải quyết
thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trực tuyến (có Phụ lục
kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp
với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan tích hợp quy trình điện tử và cung cấp các
thủ tục hành chính này trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp;
Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh; Thủ trưởng
các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

**Tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh,
đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử trực tuyến (mức độ 3)**
(Kèm theo Quyết định số:1163/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI SINH TRỰC TUYẾN (MỨC ĐỘ 3)

I. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI SINH THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Theo quy định tại Điều 13, Điều 16, Điều 35, Điều 36 của Luật Hộ tịch; Điều 2, Điều 3, Điều 9, Điều 17 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, quy trình đăng ký khai sinh (ĐKKS) thông thường, người có yêu cầu thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch (UBND cấp huyện đối với việc ĐKKS có yếu tố nước ngoài; UBND cấp xã đối với việc ĐKKS trong nước/ĐKKS có yếu tố nước ngoài tại xã ở khu vực biên giới) thực hiện như sau:

Bước 1: Người có yêu cầu nộp hồ sơ ĐKKS trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện/UBND cấp xã (hồ sơ gồm: Tờ khai ĐKKS,...). Nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí ĐKKS; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh nếu có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh.

Trường hợp người nộp hồ sơ ĐKKS trực tuyến (mức độ 3) thì người yêu cầu phải truy cập qua Cổng dịch vụ công cấp tỉnh/Cổng dịch vụ công quốc gia, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực các bước theo yêu cầu, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng cơ quan có thẩm quyền ĐKKS, cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác (do Cổng dịch vụ công cấp tỉnh cung cấp), đính kèm theo các tài liệu có liên quan trong hồ sơ đăng ký khai sinh (bản chụp Giấy chứng sinh, trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh, nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; Biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ, trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ; văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người

thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về nội dung khai sinh), hoàn tất việc nộp hồ sơ.

Bước 2: Công chức Bộ phận một cửa có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.

2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ ĐKKS để công chức làm công tác hộ tịch xử lý. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 h 00 mà không thể giải quyết ngay thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho công dân trong ngày làm việc tiếp theo.

2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1.

2.3. Trường hợp người có yêu cầu ĐKKS không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu ĐKKS.

Bước 3: Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm).

3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ, thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3.

3.2. Nếu thấy đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định thì thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVDC để lấy số định danh cá nhân.

Bước 4: Sau khi CSDLQGVDC trả về số định danh cá nhân, công chức làm công tác hộ tịch in Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân.

Bước 5: Công dân kiểm tra thông tin trên Giấy khai sinh, trong Sổ đăng ký khai sinh, ký Sổ ĐKKS, nộp lệ phí (nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí ĐKKS và nộp hồ sơ trực tuyến, chưa nộp lệ phí tại bước 1), nhận Giấy khai sinh.

II. NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH ĐKKS THEO YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN 06

1. Mục đích

Tái cấu trúc quy trình nộp, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ĐKKS trực tuyến (mức độ 3) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh phù hợp với các quy định pháp luật hộ tịch, yêu cầu của Đề án 06.

2. Phạm vi và điều kiện tái cấu trúc

- Do theo yêu cầu của Đề án 06, dịch vụ công thiết yếu ĐKKS phải được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, kết nối khai thác dữ liệu công dân có trong CSDLQGVDC khi giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), không để công dân phải cung cấp các thông tin đã có trong CSDLQGVDC, trong khi quy định pháp luật hộ tịch liên quan đến thủ tục ĐKKS chưa có thay đổi, nên phạm vi tái cấu trúc chủ yếu tập trung tại khâu tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; quy trình công chức làm công tác hộ tịch thực hiện nghiệp vụ ĐKKS không thay đổi.

- Việc tái cấu trúc quy trình ĐKKS chỉ được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định pháp luật có hiệu lực pháp luật về định danh và xác thực điện tử, cho phép sử dụng dữ liệu công dân có trong CSDLQGVDC thay thế cho thành phần hồ sơ, thông tin phải cung cấp khi thực hiện TTHC.

3. Nội dung tái cấu trúc

Bước 1: Người có yêu cầu ĐKKS truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch, thực hiện quy trình nộp hồ sơ ĐKKS trực tuyến.

Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.phuyen.gov.vn>) bảo đảm việc xác thực định danh điện tử, kết nối với CSDLQGVDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLQGVDC (thực hiện dịch vụ khai thác thông tin công dân từ CSDLQGVDC trên cơ sở số định danh cá nhân, tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công).

Người có yêu cầu đăng ký khai sinh cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (Cổng dịch vụ công quốc gia/cấp tỉnh cần chỉnh lý biểu mẫu này, bảo đảm phù hợp nội dung biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKS ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP); thực hiện thao tác tải lên (upload) các giấy tờ, hồ sơ theo quy định (bao gồm: bản chụp Giấy chứng sinh/Giấy chứng sinh điện tử (nếu có); bản chụp Giấy CNKH (nếu có)/trường hợp thông tin về Giấy CNKH đã có trong CSDLQGVDC thì không phải tải lên; bản chụp Giấy CMND/Thẻ CCCD và Hộ khẩu/trường hợp các thông tin này đã được xác thực và cung cấp bởi CSDLQGVDC thì không phải tải lên; Giấy uỷ quyền trong trường hợp thực hiện việc ĐKKS theo uỷ quyền); nộp phí, lệ phí (nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí ĐKKS) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến tích hợp trên Cổng dịch vụ công. Hoàn tất việc nộp hồ sơ ĐKKS trực tuyến.

Bước 2, 3, 4, 5:

Thực hiện như quy trình ĐKKS hiện tại.

Lưu ý: Nếu người có yêu cầu ĐKKS có yêu cầu cấp Giấy khai sinh điện tử thì công chức làm công tác hộ tịch tham mưu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 01/2022/TT-BTP, chuyển trả kết quả là Giấy khai sinh được ký số cho người có yêu cầu sau khi hoàn thành Bước 5.

4. Thành phần hồ sơ ĐKKS điện tử:

- Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin/khai thác thông tin từ CSDLQGVDC theo nội dung quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP).

- Người có yêu cầu tải lên bản chụp các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng sinh, trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh, nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

+ Biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập trường hợp trẻ em bị bỏ rơi.

+ Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ, trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ.

+ Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về nội dung khai sinh.

+ Giấy tờ tùy thân trong trường hợp không sử dụng thẻ CCCD.

+ Giấy chứng nhận kết hôn trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn và chưa có thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn trong CSDLQGVDC.

+ Giấy tờ chứng minh thông tin về nơi cư trú không phải tải lên do đã được khai thác từ CSDLQGVDC.

+ Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con (đối với trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là người nước ngoài).

*** Lưu ý:**

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

- Khi tới cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh) người có yêu cầu ĐKKS phải nộp bản chính Giấy chứng sinh, xuất trình Giấy tờ tùy thân; bản chính Giấy CNKH (nếu cha mẹ trẻ đã ĐKKH) trừ trường hợp đã tải lên bản điện tử Giấy chứng sinh, Giấy CNKH.

- Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.

- Đối với việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ:

+ Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.

+ Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.

- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.

- Đối với việc lựa chọn quốc tịch cho con: Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì văn bản thỏa thuận phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó là công dân.

Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.

*** Điều kiện:**

Tái cấu trúc quy trình nộp, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ĐKKS trực tuyến (mức độ 3) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh được thực hiện với điều kiện Cổng dịch vụ công/Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông các dữ liệu hộ tịch với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp, bảo đảm về tính chính xác, giá trị pháp lý của dữ liệu công dân.

5. Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

6. Lệ phí:

- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh trong nước tại UBND cấp xã đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại UBND cấp huyện: Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trường hợp người yêu cầu ĐKKKS chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Cổng dịch vụ công thì nộp tại cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả.

7. Căn cứ pháp lý:

- Luật Hộ tịch năm 2014;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư; định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

B. NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KẾT HÔN TRỰC TUYẾN (MỨC ĐỘ 3)

I. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KẾT HÔN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Theo quy định tại Điều 17, Điều 18 của Luật Hộ tịch; Điều 2, Điều 3, Điều 10, Điều 18 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, quy trình đăng ký kết hôn (ĐKKH) thông thường, người yêu cầu thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch (Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện - đối với việc ĐKKH có yếu tố nước ngoài; Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã đối với việc ĐKKH trong nước/ ĐKKH có yếu tố nước ngoài tại xã ở khu vực biên giới thực hiện như sau:

Bước 1: Người có yêu cầu nộp hồ sơ ĐKKH trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện/UBND cấp xã (hồ sơ gồm: Tờ khai ĐKKH....).

Trường hợp người nộp hồ sơ ĐKKH trực tuyến (mức độ 3) thì người yêu cầu phải truy cập qua Cổng dịch vụ công cấp tỉnh/Cổng dịch vụ công quốc gia, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực các bước theo yêu cầu, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng cơ quan có thẩm quyền ĐKKH, cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác (do Cổng dịch vụ công cấp tỉnh cung cấp), đính kèm theo các tài liệu có liên quan trong hồ sơ đăng ký kết hôn như hướng dẫn nêu trên.

Bước 2: Công chức Bộ phận một cửa có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.

2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ ĐKKH để công chức làm công tác hộ tịch xử lý. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngay thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho công dân trong ngày làm việc tiếp theo (Đối với ĐKKH có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện là 13 ngày làm việc).

2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1.

2.3. Trường hợp người có yêu cầu ĐKKH không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu ĐKKH.

Bước 3: Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm).

3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3.

3.2. Nếu thấy đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định thì thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

Bước 4: Công chức làm công tác hộ tịch in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân.

Bước 5: Công dân (hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ ĐKKH, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

II. NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH ĐKKH THEO YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN 06

1. Mục đích

Tái cấu trúc quy trình nộp, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ĐKKH trực tuyến (mức độ 3) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu của Đề án 06.

2. Phạm vi và điều kiện tái cấu trúc

- Do theo yêu cầu của Đề án 06, dịch vụ công thiết yếu ĐKKH phải được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, kết nối khai thác dữ liệu công dân có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVC) khi giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), không đề công dân phải cung cấp các thông tin đã có trong CSDLQGVC, trong khi quy định pháp luật hộ tịch liên quan đến trình tự, thủ tục ĐKKH chưa có thay đổi, nên phạm vi tái cấu trúc chủ yếu tập trung tại khâu tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; quy trình công chức làm công tác hộ tịch thực hiện nghiệp vụ ĐKKH không thay đổi.

- Việc tái cấu trúc quy trình ĐKKH chỉ được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định pháp luật có hiệu lực pháp luật về định danh và xác thực điện tử, cho phép sử dụng dữ liệu công dân có trong CSDLQGVC thay thế cho thành phần hồ sơ, thông tin phải cung cấp khi thực hiện TTHC.

3. Nội dung tái cấu trúc

Bước 1: Người có yêu cầu ĐKKH truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch, thực hiện quy trình nộp hồ sơ ĐKKH trực tuyến.

Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.phuyen.gov.vn>) bảo đảm việc xác thực định danh điện tử, kết nối với CSDLQGVDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLQGVDC (thực hiện dịch vụ khai thác thông tin công dân từ CSDLQGVDC trên cơ sở số định danh cá nhân, tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công).

Người có yêu cầu đăng ký kết hôn cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (Cổng dịch vụ công quốc gia/cấp tỉnh cần chỉnh lý biểu mẫu này, bảo đảm phù hợp nội dung biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKH ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP); thực hiện thao tác tải lên (upload) các giấy tờ, hồ sơ theo quy định (bao gồm: bản chụp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; bản chụp Giấy CMND/Thẻ CCCD và Hộ khẩu/trường hợp các thông tin này đã được xác thực và cung cấp bởi CSDLQGVDC thì không phải tải lên. Hoàn tất việc nộp hồ sơ ĐKKH trực tuyến.

Bước 2, 3, 4, 5:

Thực hiện như quy trình ĐKKH hiện tại.

4. Thành phần hồ sơ ĐKKH điện tử:

- Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký kết hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin/khai thác thông tin từ CSDLQGVDC theo nội dung quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP).

- Người có yêu cầu tải lên bản chụp các giấy tờ sau:

+ Bản chụp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn (đối với trường hợp đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã);

+ Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình (đối với trường hợp đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện).

+ Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó (đối với đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện); giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam định cư tại nước ngoài.

+ Bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (đối với đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện).

*** Lưu ý:**

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp

hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

- Khi tới cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn) người có yêu cầu ĐKKH phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân, giấy xác nhận của tổ chức y tế;

- Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân, có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ đăng ký kết hôn, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

*** Điều kiện:**

Tái cấu trúc quy trình nộp, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ĐKKH trực tuyến (mức độ 3) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh được thực hiện với điều kiện Cổng dịch vụ công của tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông các dữ liệu hộ tịch với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp, bảo đảm về tính chính xác, giá trị pháp lý của dữ liệu công dân.

5. Thời hạn giải quyết:

- Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

- Đối với việc ĐKKH thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện thời hạn là 13 ngày làm việc.

6. Lệ phí:

- Miễn lệ phí đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã;
- Lệ phí đăng ký kết hôn theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trường hợp người yêu cầu ĐKKH chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Cổng dịch vụ công thì nộp tại cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả.

7. Căn cứ pháp lý:

- Luật Hộ tịch năm 2014;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;
- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

C. NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI TỬ TRỰC TUYẾN (MỨC ĐỘ 3)

I. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI TỬ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Theo quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 51, Điều 52 của Luật Hộ tịch, Điều 2, Điều 3, Điều 20 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, quy trình đăng ký khai tử (ĐKKT) thông thường, người yêu cầu thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch (UBND cấp huyện - đối với việc ĐKKT có yếu tố nước ngoài; UBND cấp xã đối với việc ĐKKT trong nước/ĐKKT có yếu tố nước ngoài tại xã ở khu vực biên giới) thực hiện như sau:

Bước 1: Người có yêu cầu nộp hồ sơ ĐKKT trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện/UBND cấp xã. Nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí ĐKKT; nộp phí cấp Trích lục khai tử (bản sao) nếu có yêu cầu.

Trường hợp người nộp hồ sơ ĐKKT trực tuyến (mức độ 3) thì người yêu cầu phải truy cập qua Cổng dịch vụ công cấp tỉnh/Cổng dịch vụ công quốc gia, đăng nhập/đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực các bước theo yêu cầu, đăng

nhập vào hệ thống, xác định đúng cơ quan có thẩm quyền ĐKKT, cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác (do Cổng dịch vụ công cung cấp), đính kèm theo các tài liệu có liên quan trong hồ sơ đăng ký khai tử (bản chụp Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp...), hoàn tất việc nộp hồ sơ.

Bước 2: Công chức Bộ phận một cửa có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.

2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ ĐKKT để công chức làm công tác hộ tịch xử lý. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngay thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho công dân trong ngày làm việc tiếp theo.

2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1.

2.3. Trường hợp người có yêu cầu ĐKKT không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu ĐKKT.

Bước 3: Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm).

3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3.

3.2. Nếu thấy đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định thì thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký khai tử trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức.

Bước 4: Công chức làm công tác hộ tịch in Trích lục khai tử, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân.

Bước 5: Công dân kiểm tra thông tin trên Trích lục khai tử, trong Sổ đăng ký khai tử, ký Sổ ĐKKT, nhận Trích lục khai tử.

II. NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH ĐKKT THEO YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN 06

1. Mục đích

Tái cấu trúc quy trình nộp, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ĐKKT trực tuyến (mức độ 3) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu của Đề án 06.

2. Phạm vi và điều kiện tái cấu trúc

- Do theo yêu cầu của Đề án 06, dịch vụ công thiết yếu ĐKKT phải được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, kết nối khai thác dữ

liệu công dân có trong CSDLQGVDC khi giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), không để công dân phải cung cấp các thông tin đã có trong CSDLQGVDC, trong khi quy định pháp luật hộ tịch liên quan đến thủ tục ĐKKT chưa có thay đổi, nên phạm vi tái cấu trúc chủ yếu tập trung tại khâu tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; quy trình công chức làm công tác hộ tịch thực hiện nghiệp vụ ĐKKT không thay đổi.

- Việc tái cấu trúc quy trình ĐKKT chỉ được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định pháp luật có hiệu lực pháp luật về định danh và xác thực điện tử, cho phép sử dụng dữ liệu công dân có trong CSDLQGVDC thay thế cho thành phần hồ sơ, thông tin phải cung cấp khi thực hiện TTHC.

3. Nội dung tái cấu trúc

Bước 1: Người có yêu cầu ĐKKT truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, đăng nhập/đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch, thực hiện quy trình nộp hồ sơ ĐKKT trực tuyến.

Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.phuyen.gov.vn>) bảo đảm việc xác thực định danh điện tử, kết nối với CSDLQGVDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLQGVDC (thực hiện dịch vụ khai thác thông tin công dân từ CSDLQGVDC trên cơ sở số định danh cá nhân, tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công, bao gồm cả thông tin của người đi khai tử và thông tin của người được khai tử).

Người có yêu cầu đăng ký khai tử cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử (Cổng dịch vụ công quốc gia/cấp tỉnh căn chỉnh lý biểu mẫu này, bảo đảm phù hợp nội dung biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP); thực hiện thao tác tải lên (upload) các giấy tờ, hồ sơ theo quy định (bao gồm: bản chụp Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử; Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử; bản chụp Giấy CMND/Thẻ CCCD và Hộ khẩu/trường hợp các thông tin này đã được xác thực và cung cấp bởi CSDLQGVDC thì không phải tải lên; Giấy uỷ quyền trong trường hợp thực hiện việc ĐKKT theo uỷ quyền); nộp phí, lệ phí (nếu thuộc trường hợp phải nộp phí, lệ phí ĐKKT) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến tích hợp trên Cổng dịch vụ công. Hoàn tất việc nộp hồ sơ ĐKKT trực tuyến.

Bước 2, 3, 4, 5:

Thực hiện như quy trình ĐKKT hiện tại.

Lưu ý: Nếu người có yêu cầu ĐKKT có yêu cầu cấp Trích lục khai tử điện tử thì công chức làm công tác hộ tịch tham mưu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 01/2022/TT-BTP, chuyển trả kết quả là Trích lục khai tử được ký số cho người có yêu cầu sau khi hoàn thành Bước 5.

4. Thành phần hồ sơ ĐKKT điện tử:

4.1. Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai tử (do người yêu cầu cung cấp thông tin/khai thác thông tin từ CSDLQGVC theo nội dung quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP).

4.2. Người có yêu cầu tải lên bản chụp các giấy tờ sau:

4.2.1. Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4.2.2. Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.

4.2.3. Văn bản ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử.

4.2.4. Giấy tờ tùy thân trong trường hợp không sử dụng Thẻ CCCD.

4.2.5. Giấy tờ chứng minh thông tin về nơi cư trú không phải tải lên do đã được khai thác từ CSDLQGVC.

*** Lưu ý:**

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

- Khi tới cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử) người có yêu cầu ĐKKT xuất trình Giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ tại mục 4.2.1 đến 4.2.4 trừ trường hợp đã tải lên bản sao điện tử các giấy tờ này.

*** Điều kiện**

Tái cấu trúc quy trình nộp, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ĐKKT trực tuyến (mức độ 3) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh được thực hiện với điều kiện Cổng dịch vụ công/Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh

đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông các dữ liệu hộ tịch với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp, bảo đảm về tính chính xác, giá trị pháp lý của dữ liệu công dân.

5. Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.

6. Lệ phí:

- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn tại UBND cấp xã, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn tại UBND cấp xã, đăng ký khai tử tại UBND cấp huyện: Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trường hợp người yêu cầu ĐKKT chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Cổng dịch vụ công thì thực hiện nộp tại cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả.

7. Căn cứ pháp lý:

- Luật Hộ tịch năm 2014;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư; định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;
- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch việt nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 1173/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/ 8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-BVHTTDL ngày 20/9/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2234/TTr-SVHTTDL ngày 24/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kèm theo Phụ lục I, Phụ lục II)

Điều 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdictvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 2289/QĐ-BVHTTDL ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ- CP của Chính phủ. - Thông tư số 22/2018/TT- BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT- BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich	
--	--	--	--	--	--	--

Phụ lục II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THẨM QUYỀN SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH****1. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ, chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý văn hóa xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	Nhận hồ sơ, xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Phòng quản lý văn hóa	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	½ ngày làm việc
Bước 4	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			03 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1197/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng
trực thuộc Sở Xây dựng Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh về việc đổi tên Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng Phú Yên thành Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 448/TTr-SNV ngày 29/9/2022 và đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 52/TTr-SXD ngày 25/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng Phú Yên.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng
trực thuộc Sở Xây dựng Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 10/10/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí

Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng, tự đảm bảo kinh phí hoạt động, được thành lập theo Quyết định số 360/2005/QĐ-UB ngày 25 tháng 02 năm 2005 của UBND tỉnh và đổi tên theo các Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2006; Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh về việc đổi tên Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng Phú Yên thành Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng;

Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng.

Tên giao dịch: Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng Phú Yên.

Địa chỉ: 35 Lê Thánh Tôn, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. Chức năng

Trung tâm có chức năng thực hiện hoạt động liên quan đến Quy hoạch xây dựng và Tư vấn xây dựng phục vụ cho công tác Quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm trực thuộc Sở Xây dựng được quy định cụ thể như sau:

1. Thực hiện dịch vụ công và lập quy hoạch:

- Thực hiện các dịch vụ công về lĩnh vực xây dựng thuộc chức năng; nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Xây dựng;

- Hoạch định chiến lược quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, nông thôn dài và ngắn hạn; triển khai nghiên cứu các đề tài khoa học về lĩnh vực xây dựng.

- Tham gia nghiên cứu xây dựng và phản biện các chương trình, quy hoạch xây dựng và kế hoạch hàng năm, 05 năm và dài hạn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

2. Thực hiện các dịch vụ tư vấn, gồm:

- Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến ứng dụng các vật liệu xây dựng mới, các tiến bộ khoa học kỹ thuật chuyên ngành Xây dựng.

- Tham gia công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về xây dựng, vật liệu xây dựng;

- Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn thuộc lĩnh vực xây dựng, gồm: Khảo sát địa chất, đo đạc địa hình, đo vẽ hiện trạng công trình xây dựng; lập các loại đồ án quy hoạch xây dựng; thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ KTKT – tổng dự toán công trình xây dựng; tư vấn lựa chọn nhà thầu; giám sát thi công công trình xây dựng; quản lý dự án theo năng lực của đơn vị hoặc liên danh liên kết theo quy định của pháp luật để thực hiện; tư vấn phản biện thuộc lĩnh vực xây dựng.

- Liên kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh để khai thác và cung cấp các dịch vụ thông tin về hoạt động xây dựng; được mời các nhà chuyên môn giỏi để làm cộng tác viên; phối hợp mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

4. Đề xuất cho Hội đồng quản lý thực hiện các quy định thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Trung tâm.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý, Giám đốc Sở Xây dựng giao.

Chương II**CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN****Điều 3. Cơ chế tài chính**

Cơ chế tài chính của Trung tâm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quản lý và sử dụng tài sản

Trung tâm có trách nhiệm quản lý tài sản nhà nước theo quy định hiện hành về quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với các tài sản cố định: Trung tâm phải thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo chế độ áp dụng cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Chương III**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ CỦA TRUNG TÂM****Điều 5. Cơ cấu tổ chức****1. Bộ máy của Trung tâm gồm:**

a) Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc và không quá 2 Phó Giám đốc.

Giám đốc Trung tâm điều hành mọi hoạt động của Trung tâm. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng, Hội đồng quản lý và trước pháp luật trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc, được phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, từ chức và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, các Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý cán bộ.

b) Các phòng chuyên môn, gồm có 03 phòng, mỗi Phòng có Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và viên chức nghiệp vụ, tham mưu cho Giám đốc Trung tâm:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp: Tham mưu về hành chính quản trị - tổ chức nhân sự, hoạch toán kinh tế, tài chính. Thực hiện chức năng kiểm soát, quản lý tài chính của đơn vị theo quy định.

- Phòng Tư vấn Quy hoạch xây dựng: Tổ chức thực hiện Tư vấn Lập các loại đồ án quy hoạch xây dựng; Lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán xây dựng công trình xây dựng; Khảo sát địa chất, đo đạc địa hình, địa chất đo đạc hiện trạng công trình xây dựng... theo năng lực của đơn vị hoặc theo hình thức liên danh liên kết theo quy định của pháp luật; tham gia hoạt động tư vấn phản biện, nghiên cứu khoa học, thi tuyển phương án kiến trúc.

- Phòng Tư vấn Kỹ Thuật xây dựng: Tổ chức thực hiện Thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán công trình xây dựng; khảo sát, đánh giá hiện trạng công trình xây dựng; Lập hồ sơ dự thầu; Giám sát thi công công trình xây dựng, Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng... theo năng lực của đơn vị hoặc theo hình thức liên danh liên kết theo quy định của pháp luật; Tham gia hoạt động tư vấn phản biện, nghiên cứu khoa học, giải pháp kỹ thuật xây dựng.

2. Viên chức, người lao động trong Trung tâm

a) Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với viên chức, người lao động trong Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Việc bố trí công tác đối với viên chức và hợp đồng lao động (theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) của Trung tâm phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh viên chức, theo phẩm chất, năng lực, sở trường, bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật;

c) Viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng, trước Giám đốc Trung tâm, lãnh đạo phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ công tác được phân công thực hiện.

3. Số lượng người làm việc của Trung tâm theo Đề án vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm bố trí, sử dụng số lượng

người làm việc của Trung tâm phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Nhà nước; thực hiện số lượng cấp phó của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Xây dựng phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1241/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, lâm nghiệp và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3522/QĐ-BNN-CN ngày 16/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 245/TTr-SNN ngày 07/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 (một) thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực thú y và 03 (ba) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và chuẩn hóa thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT, LÂM NGHIỆP VÀ THÚ Y
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1241/QĐ-UBND ngày 19/10/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực bảo vệ thực vật					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc; - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu);	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - - Qua dịch vụ bưu chính công ích	800.000 đồng	Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

		- Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện: 60 ngày; - Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).				
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc; - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn- - Qua dịch vụ bưu chính công ích	800.000 đồng	Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ

		<i>kết quả đánh giá đạt yêu cầu);</i> - Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện: 60 ngày; - Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).				Nông nghiệp và PTNT
II	Lĩnh vực lâm nghiệp					
1	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về công bố TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi

						chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT
--	--	--	--	--	--	--

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Ghi chú
I	Lĩnh vực thú ý		
1	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	Được công bố tại Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
BẢO VỆ THỰC VẬT, LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

*** Thời hạn giải quyết đối với trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu:**

- 16 ngày làm việc từ khi tiếp nhận hồ sơ

*** Quy trình nội bộ:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Công dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Thanh tra, pháp chế của Chi cục Trồng trọt và BVTV xử lý hồ sơ.	Công chức của Chi cục Trồng trọt và BVTV được cử tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận 1 cửa của Chi cục	½ ngày làm việc
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và BVTV phải có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do.	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	3 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế tham mưu thành lập Đoàn đánh giá	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	5 ngày làm việc
Bước 5	Đánh giá thực tế tại cơ sở	Đoàn đánh giá	1 ngày làm việc
Bước 6	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	4 ngày làm việc
Bước 7	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Bước 8	- Làm thủ tục phát hành văn bản. - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			16 ngày làm việc

*** Thời hạn giải quyết đối với trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu:**

- 76 ngày làm việc khi tiếp nhận hồ sơ.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi	Công chức của Sở	½ ngày làm

	phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Thanh tra, pháp chế của Chi cục Trồng trọt và BVTV xử lý hồ sơ	Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	việc
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và BVTV phải có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	3 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế tham mưu thành lập Đoàn đánh giá	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	5 ngày làm việc
Bước 5	Đánh giá thực tế tại cơ sở	Đoàn đánh giá	1 ngày làm việc
Bước 6	Thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức/cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	1 ngày làm việc
Bước 7	Nhận báo cáo khắc phục của cơ sở và kết quả kiểm tra lại	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	2 ngày làm việc
Bước 8	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	1 ngày làm việc
Bước 9	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Bước 10	- Làm thủ tục phát hành văn bản. - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			76 ngày làm việc

2. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

* Thời hạn giải quyết đối với trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu:

- 16 ngày làm việc từ khi tiếp nhận hồ sơ

* Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Thanh tra, pháp chế của	Công chức của Chi cục Trồng trọt và BVTV được cử tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận 1 cửa của Chi	½ ngày làm việc

	Chi cục Trồng trọt và BVTV xử lý hồ sơ.	cục	
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và BVTV phải có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do.	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	3 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế tham mưu thành lập Đoàn đánh giá	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	5 ngày làm việc
Bước 5	Đánh giá thực tế tại cơ sở	Đoàn đánh giá	1 ngày làm việc
Bước 6	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	4 ngày làm việc
Bước 7	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Bước 8	- Làm thủ tục phát hành văn bản. - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			16 ngày làm việc

*** Thời hạn giải quyết đối với trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu:**
- 76 ngày làm việc khi tiếp nhận hồ sơ.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Thanh tra, pháp chế của Chi cục Trồng trọt và BVTV xử lý hồ sơ	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và BVTV phải có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Nhân viên phòng Thanh tra, pháp chế-Chi cục Trồng trọt và BVTV.	3 ngày làm việc

		và BVTV.	
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế tham mưu thành lập Đoàn đánh giá	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	5 ngày làm việc
Bước 5	Đánh giá thực tế tại cơ sở	Đoàn đánh giá	1 ngày làm việc
Bước 6	Thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức/cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	1 ngày làm việc
Bước 7	Nhận báo cáo khắc phục của cơ sở và kết quả kiểm tra lại	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	2 ngày làm việc
Bước 8	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Thanh tra, pháp chế	1 ngày làm việc
Bước 9	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Bước 10	- Làm thủ tục phát hành văn bản. - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			76 ngày làm việc

3. Thủ tục: Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

* Thời hạn giải quyết

- Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;
- Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

* Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả; - Quét (Scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ giấy trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc nộp qua Bưu chính viễn thông.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày làm việc
Bước 2	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ. - Thông báo kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp. - Nhập thông tin doanh nghiệp vào Hệ thống phân loại doanh nghiệp.	Công chức Phòng Thanh tra Pháp chế; Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày làm việc
Bước 3	- Hệ thống phân loại doanh nghiệp tự động phân loại là DN Nhóm I. - Trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra, xác minh; thông báo bằng văn bản cho DN đăng ký phân	Công chức Phòng Thanh tra Pháp chế; Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	03 ngày làm việc

	loại thời gian, nội dung xác minh.		
Bước 4	Phối hợp cơ quan có liên quan tổ chức xác minh thông tin kê khai của DN và thông báo kết xác minh cho doanh nghiệp biết.	Công chức Phòng Thanh tra Pháp chế; Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	06 ngày làm việc
Bước 5	Hệ thống phân loại doanh nghiệp tự động phân loại là DN Nhóm I, hoặc kể từ ngày kết thúc xác minh thông tin, nếu đáp ứng đầy đủ tiêu chí, cơ quan tiếp nhận xếp loại DN đó vào DN Nhóm I trên Hệ thống phân loại DN.	Công chức Phòng Thanh tra Pháp chế	03 ngày làm việc
Bước 6	Công bố kết quả phân loại Doanh nghiệp	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm phê duyệt	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			14 ngày làm việc

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.